

Số: *38* /NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày *01* tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 59/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

- 07 công trình, dự án thu hồi đất với diện tích 2,15 ha (*chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

- 04 công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa với diện tích 1,05 ha (*chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*).

Điều 2. Thông qua điều chỉnh tên, quy mô, địa điểm, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và đất rừng phòng hộ đối với 08 dự án trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; đưa 01 dự án trên địa bàn huyện Đại Từ ra khỏi Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh (*chi tiết tại Phụ lục III, IV kèm theo*).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ; căn cứ pháp lý của các dự án và tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng chỉ tiêu sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021 - 2030 và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chỉ thực hiện việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất khi đã đảm bảo đầy đủ thủ tục, quy trình và đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục rà soát quy mô, diện tích của từng dự án, đánh giá tiến độ triển khai, sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện theo tính cấp thiết của từng dự án, đảm bảo mục tiêu sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm. Sau thu hồi, yêu cầu chủ đầu tư sớm đưa vào sử dụng đất có hiệu quả. Kiên quyết xử lý các dự án chậm triển khai, vi phạm Luật Đất đai theo quy định.

Tiếp tục cải cách hành chính, nhất là cải cách các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng và đất đai. Tuân thủ đúng quy trình, quy định pháp lý trong tổ chức thực hiện thu hồi đất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV,
Kỳ họp thứ mười ba thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (Báo cáo);
- Bộ Giao thông vận tải (Báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

Phụ lục I

Danh mục 07 công trình, dự án thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Nghị quyết số: 38 /NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	Tổng		2,15	0,72			1,43
I	Huyện Phú Bình		0,23	0,23			0,00
1	Trường Mầm non Diềm Thụy (Công trình nhà lớp học 2 tầng 10 phòng học)	Xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình	0,23	0,23			
II	Huyện Định Hóa		1,92	0,49			1,43
1	Mở rộng Trụ sở UBND xã Bình Yên	Xã Bình Yên, huyện Định Hóa	0,30				0,30
2	Cải tạo, nâng cấp sân văn hóa - thể thao xã Lam Vỹ	Xã Lam Vỹ, huyện Định Hóa	0,15	0,09			0,06
3	Sửa chữa nền, mặt đường và cập mở rộng mặt đường đoạn Km24+800- Km25+300; Km25+450 - Km 25+600 và sửa chữa cầu Đá Con Km24+310 ĐT.264	Xã Trung Lương, huyện Định Hóa	0,06				0,06
4	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Tân Dương - Phượng Tiến - Trung Hội (đoạn xóm Pải)	Xã Phượng Tiến, huyện Định Hóa	0,50				0,50
5	Mở rộng, tôn tạo khu lưu niệm Bác Hồ với ngành Quân giới Việt Nam	Xã Đồng Thịnh, huyện Định Hóa	0,26				0,26
6	Chợ xã Bình Thành	Xã Bình Thành, huyện Định Hóa	0,65	0,40			0,25

Phụ lục II

Danh mục 04 công trình, dự án có chuyên mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Nghị quyết số: **38** /NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	Tổng		1,05	0,74			0,31
I	Huyện Phú Bình		0,25	0,25			0,00
1	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn của hộ gia đình, cá nhân	Xã Lương Phú, huyện Phú Bình	0,02	0,02			
2	Trường Mầm non Diềm Thụy (Công trình nhà lớp học 2 tầng 10 phòng học)	Xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình	0,23	0,23			
II	Huyện Định Hóa		0,80	0,49			0,31
1	Cải tạo, nâng cấp sân văn hóa - thể thao xã Lam Vỹ	Xã Lam Vỹ, huyện Định Hóa	0,15	0,09			0,06
2	Chợ xã Bình Thành	Xã Bình Thành, huyện Định Hóa	0,65	0,40			0,25

Phụ lục III

Điều chỉnh tên, quy mô, địa điểm, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và đất rừng phòng hộ đối với 08 dự án trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Nghị quyết số: 38 /NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

		Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt				Nay điều chỉnh lại như sau									
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)			STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng					Đất khác	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
A	Nghị Quyết số 208/NQ-HĐND ngày 10/12/2021														
I	Huyện Định Hóa														
1	Trang trại chăn nuôi lợn	Xã Bình Thành, huyện Định Hóa	70,00	9,02			60,98	1	Trang trại chăn nuôi lợn (Khu chăn nuôi Đầm Hè - Ao Giời - Đồng Dành)	Xã Bình Thành, huyện Định Hóa	45,42	1,00			44,42
II	Huyện Phú Bình														
1	Khu dân cư Kha Sơn	Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	18,83	15,94			2,89	1	Khu dân cư Kha Sơn	Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	15,43	13,75			1,68
2	Đường Vành đai V đoạn qua khu vực tỉnh Thái Nguyên (đoạn từ huyện Phú Bình nối với tỉnh Bắc Giang)	Xã Tân Đức, huyện Phú Bình	9,00	7,68			1,32	2	Đường Vành đai V đoạn qua khu vực tỉnh Thái Nguyên (đoạn từ huyện Phú Bình nối với tỉnh Bắc Giang)	Xã Tân Đức, huyện Phú Bình	11,26	9,40			1,86
		Xã Lương Phú, huyện Phú Bình	8,65	5,76			2,89			Xã Lương Phú, huyện Phú Bình	10,34	7,36			2,98
Tổng			5,75	3,22		2,53	Tổng		Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	7,69	4,50			3,19	
B	Nghị Quyết số 47/NQ-HĐND ngày 11/12/2020														
I	Huyện Phú Bình														
1	Khu đô thị Cầu Cò	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,99	3,99				1	Khu đô thị Cầu Cò	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,99	3,09			0,90

Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt										Nay điều chỉnh lại như sau										
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)				STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)								
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					
II	Thành phố Thái Nguyên																			
1	Dự án xây dựng không gian văn hóa trà tại xã Tân Cương	Xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên	1,71				1,71	1	Dự án xây dựng không gian văn hóa trà tại xã Tân Cương	Xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên	1,71	0,03							1,68	
2	Khu đô thị Bắc Đại học Thái Nguyên	Phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên	0,25				0,25	2	Khu đô thị Bắc Đại học Thái Nguyên	Phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên	0,16								0,16	
		Phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên	37,22				14,57				Phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên	32,21	19,46						12,75	
		Phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên	19,43				3,66				Phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên	17,55	15,07						2,48	
	Tổng		56,90			38,42		Tổng		49,92								34,53		15,39

C Nghị Quyết số 35/NQ-HĐND ngày 20/7/2022

STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)				STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)								
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					
I	Huyện Phú Bình																			
1	Khu đô thị số 3	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	9,87				3,08	1	Khu dân cư số 3	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	9,30	5,28							4,02	
										Xã Nga Mỹ, huyện Phú Bình	0,10	0,07							0,03	
										Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	0,02									0,02
	Tổng		16,39			10,90		Tổng		16,39								9,45		6,94

Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt				Nay điều chỉnh lại như sau											
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)			STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng					Đất khác	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
D	Nghị Quyết số 97/NQ-HĐND ngày 08/12/2022														
I	Huyện Võ Nhai														
1	Dự án tái định cư tập trung khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai xóm Tân Kim, xã Thần Sa	Xã Thần Sa, huyện Võ Nhai	6,60				6,60	Dự án tái định cư tập trung khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai tại xóm Tân Kim, xã Thần Sa	Xã Thần Sa, huyện Võ Nhai	6,60				6,26	0,34

Phụ lục IV

Danh mục 01 dự án trên địa bàn huyện Đại Từ đưa ra khỏi Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Nghị quyết số: **38** /NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)					
				Nhóm đất nông nghiệp			Nhóm đất phi nông nghiệp	Nhóm đất chưa sử dụng	
				Tổng số	Trong đó:				
Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng							
1	Khu du lịch nghỉ dưỡng quốc tế 5 sao Hồ Núi Cốc	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	24,50	22,69	0,36			1,80	0,01

